A white and blue cover with a circle and a circle with a star

AI-generated content may be incorrect.

**BÁO CÁO**

**THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

***“Website giới thiệu sản phẩm GUDUShop”***

**Ngành: Công Nghệ Thông Tin**

SINH VIÊN THỰC HIỆN: **Phạm Thúy Quỳnh**

MÃ SỐ SINH VIÊN: **2209620470**

LỚP: **2622CNT06**

GV PHỤ TRÁCH: **Ths.Trần Thị Huê**

MÔN HỌC: **THIẾT KẾ ĐỒ HỌA & QUẢNG CÁO**

**Hà Nội, tháng 04 năm 2025**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**MỤC LỤC**

**DANH MỤC HÌNH ẢNH**

**LỜI MỞI ĐẦU**

**CHƯƠNG I: KHẢO SÁT HỆ THỐNG**

* 1. **Mô tả về môi trường hoạt động**
  2. **Khảo sát bài toán**

1. Giới thiệu bài toán

Trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng, việc sở hữu một website giới thiệu sản phẩm không còn là một lựa chọn, mà đã trở thành một nhu cầu thiết yếu cho mọi doanh nghiệp. Website GUDUShop không chỉ giúp nâng cao sự hiện diện của thương hiệu mà còn cung cấp thông tin chi tiết về sản phẩm giày dành cho nữ, tạo điều kiện để khách hàng dễ dàng tiếp cận và đưa ra quyết định mua sắm.

1. Yêu cầu của người dùng

**Điểm nổi bật sản phẩm**: Hiển thị các sản phẩm mới ra mắt, sản phẩm bán chạy, hoặc các khuyến mãi đặc biệt.

**Thông tin sản phẩm rõ ràng**: Cung cấp mô tả chi tiết về sản phẩm, bao gồm tính năng, công dụng, và lợi ích mà nó mang lại cho người tiêu dùng.

**Truy cập nhanh chóng**: Website cần tải nhanh để đảm bảo trải nghiệm người dùng tốt.

1. Yêu cầu chức năng:

**Quản lý sản phẩm:** Quản lý sản phẩm bằng cách thêm mới khi cho ra mắt sản phẩm mới, sửa chữa các thông tin khi cần thiết và xoá bỏ thông tin về sản phẩm khi không còn sản xuất.

**Quản lý tài khoản:** Admin có thể quản lý tài khoản bằng cách thêm tài khoản nhân viên, sửa chữa các thông tin của nhân viên khi cần và xóa bỏ các thông tin nhân viên khi nhân viên nghỉ việc.

**Quản lý loại sản phẩm:** Quản lý loại sản phẩm bằng cách thêm mới khi có thêm loại sản phẩm mới, sửa chữa các thông tin khi cần thiết và xoá bỏ thông tin loại sản phẩm khi không còn loại sản phẩm liên quan.

**Quản lý khuyến mãi:** Quản lý khuyến mãi bằng cách thêm mới khi có chương trình khuyến mãi, sửa chữa các thông tin khi cần thiết và xoá bỏ thông tin khuyễn mãi khi không còn chương trình khuyến mãi.

**Tìm kiếm và lọc thông tin:** Cung cấp tính năng tìm kiếm sản phẩm theo loại sản phẩm. Người dùng có thể dễ dàng tìm kiếm thông tin sản phẩm họ cần.

* 1. **Yêu cầu của đề tài**

1. Yêu cầu chức năng:

* Đăng nhập của Admin, nhân viên:
* Admin có quyền đăng nhập vào hệ thống để quản trị toàn bộ chức năng của hệ thống. Là người dùng có phân quyền cao nhất.
* Nhân viên có quyền đăng nhập vào hệ thống để quản lý sản phẩm, quản lý loại sản phẩm, quản lý khuyến mãi.
* Quản lý sản phẩm:
* Thêm sản phẩm mới: Cho phép nhân viên thêm thông tin sản phẩm mới lên trang web.
* Xem và chỉnh sửa thông tin sản phẩm: Nhân viên có thể xem chi tiết và chỉnh sửa thông tin sản phẩm đã thêm.
* Xóa tin tức: Nhân viên có thể xóa thông tin các sản phẩm ngừng nhập hàng hoặc ngừng sản xuất.
* Tìm kiếm và xem chi tiết: Nhân viên có quyền tìm kiếm và xem chi tiết thông tin sản phẩm.
* Quản lý loại sản phẩm:
* Thêm loại sản phẩm: Admin, nhân viên tạo các loại sản phẩm như Giày thể thao, Giày cao gót, Sandal, v.v.
* Xem và sửa thông tin loại sản phẩm: Admin, nhân viên có thể xem, sửa những thông tin loại sản phẩm đã thêm.
* Xóa thể loại: Admin, nhân viên có thể xem, sửa hoặc xóa những loại sản phẩm không còn phổ biến và phù hợp.
* Tìm kiếm loại sản phẩm: Admin, nhân viên có thể tìm kiếm các loại sản phẩm.
* Quản lý khuyến mãi:
* Thêm khuyến mãi mới: Admin, nhân viên thêm khuyến mãi mới khi cửa hàng có các chương trình khuyến mãi.
* Xem, sửa, xóa khuyến mãi: Admin, nhân viên có thể xem, sửa hoặc xóa những khuyễn mãi hết hạn.
* Tìm kiếm danh mục: Admin, nhân viên có thể tìm kiếm khuyến mãi đã tạo.
* Tìm kiếm và lọc tin tức:
* Công cụ tìm kiếm: Cho phép khách hàng tìm kiếm sản phẩm theo loại sản phẩm.
* Lọc sản phẩm: Lọc theo loại sản phẩm, giá sản phẩm.
  1. Công cụ lập trình

**CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH HỆ THỐNG**

**2.1 Tổng quan chức năng**

**2.1.1 Xây dựng biểu đồ usecase tổng quát**

* Danh sách Tác nhân người sử dụng hệ thống:

| **Ký hiệu** | **Tác nhân** | **Mô tả chức năng** |
| --- | --- | --- |
| A black stick figure with a circle on it  AI-generated content may be incorrect. | **Admin** | Quyền đăng nhập, truy cập:   * Có quyền truy cập cao nhất để quản lý và duy trì hệ thống. * Quản lý tài khoản * Quản lý sản phẩm * Quản lý loại sản phẩm * Quản lý khuyến mãi |
| **Nhân viên** | * Đăng nhập * Quản lý sản phẩm * Quản lý loại sản phẩm * Quản lý khuyến mãi |
| **Khách hàng** | * Tìm kiếm sản phẩm * Xem sản phẩm |

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.1 – Usecase tổng quát

**2.1.2 Xây dựng biểu đồ usecase phân rã**

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.2.1 – Usecase chức năng đăng nhập

* Đặc tả use case Đăng nhập:

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase** | * Đăng nhập hệ thống |
| **Actor** | * Admin, Nhân viên |
| **Mô tả** | * Use case này cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống bán hàng GUDUShop bằng cách nhập tên tài khoản và mật khẩu. |
| **Điều kiện đầu vào** | * Hệ thống ở trạng thái đăng nhập và có màn hình đăng nhập được hiển thị. * Nhân viên hoặc quản trị viên phải có tài khoản hợp lệ trong hệ thống. |
| **Điều kiện hậu nghiệm** | * Nếu thông tin đăng nhập hợp lệ, người dùng sẽ được chuyển đến trang chính của hệ thống với quyền truy cập tương ứng. * Nếu thông tin đăng nhập không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. **Bắt đầu**: Use case bắt đầu khi người dùng mở trang đăng nhập hệ thống hiển thị form đăng nhập. 2. Người dùng nhập tài khoản và mật khẩu vào form đăng nhập. 3. Người dùng nhấn nút "Đăng nhập". 4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đăng nhập (tên tài khoản và mật khẩu). 5. Hệ thống xác nhận thông tin đăng nhập với cơ sở dữ liệu. 6. Nếu thông tin đăng nhập hợp lệ:  * Hệ thống xác định quyền truy cập của người dùng. * Hệ thống điều hướng người dùng đến trang chính với quyền truy cập tương ứng.  1. **Kết thúc**: Use case kết thúc khi người dùng được đăng nhập thành công và điều hướng đến trang chính. |
| **Luồng sự kiện phụ** | **Luồng sự kiện phụ 1: Actor nhập thiếu thông tin đăng nhập**   * Hệ thống sẽ thông báo lỗi (bạn chưa nhập đủ thông tin đăng nhập ) và quay lại bước 2   **Luồng sự kiện phụ 2: Actor nhập sai thông tin đăng nhập**   1. Nếu tài khoản không tồn tại hoặc mật khẩu sai:  * Hệ thống hiển thị thông báo lỗi "Tên tài khoản hoặc mật khẩu không đúng". * Use case quay lại bước 2 của luồng chính |
| **Điểm mở rộng** | **Mở rộng 1: Người dùng có thể ấn quên mật khẩu và yêu cầu tạo lại mật khẩu mới**   * Người dùng ấn vào mục quên mật khẩu * Hệ thống hiển thị form điền thông tin và mục điền mật khẩu mới * Người dùng nhập đầy đủ thông tin |

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.2.2 – Usecase chức năng quản lý tài khoản

* Đặc tả use case Quản lý tài khoản:

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase** | * Quản lý tài khoản |
| **Actor** | * Admin, Nhân viên |
| **Mô tả** | * Admin có thể thêm, sửa, xóa tài khoản. |
| **Điều kiện đầu vào** | * Actor phải đăng nhập vào hệ thống và có quyền truy cập để quản lý tài khoản. |
| **Điều kiện hậu nghiệm** | * Tài khoản thêm mới được thêm vào hệ thống. * Tài khoản hiện có được cập nhật với thông tin mới. * Tài khoản không sử dụng được xóa khỏi hệ thống. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. **Bắt đầu**: Use case bắt đầu khi Actor mở trang quản lý tài khoản. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản hiện có. 3. Actor chọn thao tác muốn thực hiện:  * Thêm tài khoản mới * Chỉnh sửa tài khoản hiện có * Xóa tài khoản * **Thêm tài khoản mới**:  1. Actor chọn "Thêm tài khoảnmới". 2. Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin tài khoản mới. 3. Actor nhập thông tin tài khoản (tên người dùng, tên tài khoản, mật khẩu, xác nhận mật khẩu, vai trò, email, số điện thoại). 4. Actor nhấn "Lưu". 5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu tài khoản mới vào cơ sở dữ liệu.  * **Chỉnh sửa tài khoản hiện có**:  1. Actor chọn tài khoản cần chỉnh sửa. 2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của tài khoản. 3. Actor cập nhật thông tin cần thiết. 4. Actor nhấn "Lưu". 5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cập nhật tài khoản trong cơ sở dữ liệu.  * **Xóa tài khoản**:  1. Actor chọn tài khoản cần xóa. 2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa. 3. Actor xác nhận xóa tài khoản. 4. Hệ thống xóa tài khoản khỏi cơ sở dữ liệu. 5. **Kết thúc**: Use case kết thúc khi Actor hoàn thành thao tác quản lý tài khoản. |
| **Luồng sự kiện phụ** | **Luồng sự kiện phụ 1: Thông tin tài khoản không hợp lệ khi thêm hoặc chỉnh sửa**   1. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi tương ứng với trường thông tin có dữ liệu không hợp lệ |
| **Điều kiện đầu ra** | 1. **Điều kiện đầu ra thành công**:  * **Thêm tài khoản mới**: Tài khoảnmới được lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị trên trang tài khoản. * **Chỉnh sửa tài khoản**: Tài khoảnđược cập nhật với thông tin mới và hiển thị trên trang tài khoản. * **Xóa tài khoản**: Tài khoảnđược xóa khỏi cơ sở dữ liệu và không còn hiển thị trên trang tài khoản.  1. **Điều kiện đầu ra không thành công**:  * **Thông tin tài khoản không hợp lệ**: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Actor nhập lại thông tin. * **Lỗi hệ thống khi thêm, sửa hoặc xóa tài khoản:** * **Hành động hệ thống**: Hiển thị thông báo lỗi và không lưu thay đổi vào cơ sở dữ liệu. |

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.2.3 – Usecase chức năng quản lý sản phẩm

* Đặc tả use case Quản lý sản phẩm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase** | * Quản lý sản phẩm |
| **Actor** | * Admin, Nhân viên |
| **Mô tả** | * Nhân viên có thể thêm, sửa, xóa sản phẩm. * Admin có thể thêm, sửa, xóa sản phẩm. |
| **Điều kiện đầu vào** | * Actor phải đăng nhập vào hệ thống và có quyền truy cập để quản lý sản phẩm. |
| **Điều kiện hậu nghiệm** | * Sản phẩm thêm mới được thêm vào hệ thống. * Sản phẩm hiện có được cập nhật với thông tin mới. * Sản phẩm ngừng bán được xóa khỏi hệ thống. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. **Bắt đầu**: Use case bắt đầu khi Actor mở trang quản lý sản phẩm. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm hiện có. 3. Actor chọn thao tác muốn thực hiện:  * Thêm sản phẩm mới * Chỉnh sửa sản phẩm hiện có * Xóa sản phẩm * **Thêm sản phẩm mới**:  1. Actor chọn "Thêm sản phẩmmới". 2. Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin sản phẩm mới. 3. Actor nhập thông tin sản phẩm (tiêu đề, nội dung tóm tắt và nội dung chi tiết, loại sản phẩm, ảnh sản phẩm). 4. Actor nhấn "Lưu". 5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu sản phẩmmới vào cơ sở dữ liệu.  * **Chỉnh sửa sản phẩm hiện có**:  1. Actor chọn sản phẩmcần chỉnh sửa. 2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm. 3. Actor cập nhật thông tin cần thiết. 4. Actor nhấn "Lưu". 5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cập nhật sản phẩm trong cơ sở dữ liệu.  * **Xóa sản phẩm**:  1. Actor chọn sản phẩm cần xóa. 2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa. 3. Actor xác nhận xóa sản phẩm. 4. Hệ thống xóa sản phẩm khỏi cơ sở dữ liệu. 5. **Kết thúc**: Use case kết thúc khi Actor hoàn thành thao tác quản lý sản phẩm. |
| **Luồng sự kiện phụ** | **Luồng sự kiện phụ 1: Thông tin sản phẩm không hợp lệ khi thêm hoặc chỉnh sửa**   1. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi tương ứng với trường thông tin có dữ liệu không hợp lệ |
| **Điều kiện đầu ra** | 1. **Điều kiện đầu ra thành công**:  * **Thêm sản phẩm mới**: Sản phẩmmới được lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị trên trang tin tức. * **Chỉnh sửa sản phẩm**: Sản phẩmđược cập nhật với thông tin mới và hiển thị trên trang sản phẩm. * **Xóa sản phẩm**: Sản phẩmđược xóa khỏi cơ sở dữ liệu và không còn hiển thị trên trang sản phẩm.  1. **Điều kiện đầu ra không thành công**:  * **Thông tin sản phẩm không hợp lệ**: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Actor nhập lại thông tin. * **Lỗi hệ thống khi thêm, sửa hoặc xóa sản phẩm:** * **Hành động hệ thống**: Hiển thị thông báo lỗi và không lưu thay đổi vào cơ sở dữ liệu. |

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.2.4 – Usecase chức năng quản lý khuyến mãi

* Đặc tả use case Quản lý khuyến mãi:

|  |  |
| --- | --- |
| **Usecase** | * Quản lý khuyến mãi |
| **Actor** | * Admin, Nhân viên |
| **Mô tả** | * Nhân viên có thể thêm, sửa, xóa khuyến mãi. * Admin có thể thêm, sửa, xóa khuyến mãi. |
| **Điều kiện đầu vào** | * Actor phải đăng nhập vào hệ thống và có quyền truy cập để quản lý khuyến mãi. |
| **Điều kiện hậu nghiệm** | * Khuyến mãi thêm mới được thêm vào hệ thống. * Khuyến mãi hiện có được cập nhật với thông tin mới. * Khuyến mãi ngừng bán được xóa khỏi hệ thống. |
| **Luồng sự kiện chính** | 1. **Bắt đầu**: Use case bắt đầu khi Actor mở trang quản lý khuyến mãi. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các khuyến mãi hiện có. 3. Actor chọn thao tác muốn thực hiện:  * Thêm khuyến mãi mới * Chỉnh sửa khuyến mãi hiện có * Xóa khuyến mãi * **Thêm khuyến mãi mới**:  1. Actor chọn "Thêm khuyến mãimới". 2. Hệ thống hiển thị form để nhập thông tin khuyến mãi mới. 3. Actor nhập thông tin khuyến mãi (tên khuyến mãi, mô tả khuyến mãi, loại khuyến mãi, thời gian áp dụng). 4. Actor nhấn "Lưu". 5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và lưu sản phẩmmới vào cơ sở dữ liệu.  * **Chỉnh sửa khuyến mãi hiện có**:  1. Actor chọn khuyến mãicần chỉnh sửa. 2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của khuyến mãi. 3. Actor cập nhật thông tin cần thiết. 4. Actor nhấn "Lưu". 5. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin và cập nhật khuyến mãi trong cơ sở dữ liệu.  * **Xóa khuyến mãi**:  1. Actor chọn khuyến mãi cần xóa. 2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa. 3. Actor xác nhận xóa khuyến mãi. 4. Hệ thống xóa sản phẩm khỏi cơ sở dữ liệu. 5. **Kết thúc**: Use case kết thúc khi Actor hoàn thành thao tác quản lý khuyến mãi. |
| **Luồng sự kiện phụ** | **Luồng sự kiện phụ 1: Thông tin khuyến mãi không hợp lệ khi thêm hoặc chỉnh sửa**   1. Hệ thống hiển thị thông báo lỗi tương ứng với trường thông tin có dữ liệu không hợp lệ |
| **Điều kiện đầu ra** | 1. **Điều kiện đầu ra thành công**:  * **Thêm khuyến mãi mới**: Khuyến mãimới được lưu vào cơ sở dữ liệu và hiển thị trên trang tin tức. * **Chỉnh sửa khuyến mãi**: Khuyến mãiđược cập nhật với thông tin mới và hiển thị trên trang sản phẩm. * **Xóa khuyến mãi**: Khuyến mãiđược xóa khỏi cơ sở dữ liệu và không còn hiển thị trên trang sản phẩm.  1. **Điều kiện đầu ra không thành công**:  * **Thông tin khuyến mãi không hợp lệ**: Hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu Actor nhập lại thông tin. * **Lỗi hệ thống khi thêm, sửa hoặc xóa khuyến mãi:** * **Hành động hệ thống**: Hiển thị thông báo lỗi và không lưu thay đổi vào cơ sở dữ liệu. |

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.2.5 – Usecase chức năng quản lý loại sản phẩm

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.2.6 – Usecase chức năng tìm kiếm

**2.1.3. Xây dựng biểu đồ hoạt động**

A diagram with text and symbols

AI-generated content may be incorrect. Hình 2.1.3.1 – Biểu đồ hoạt động chức năng Đăng nhậpA diagram with text and words

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.3.2 – Biểu đồ hoạt động chức năng Tìm kiếm

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.Hình 2.1.3.3 – Biểu đồ hoạt động chức năng Thêm sản phẩmA diagram with text and images

AI-generated content may be incorrect.Hình 2.1.3.4 – Biểu đồ hoạt động chức năng Sửa sản phẩmA diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect. Hình 2.1.3.5 – Biểu đồ hoạt động chức năng Xóa sản phẩmA diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.Hình 2.1.3.6 – Biểu đồ hoạt động chức năng Thêm tài khoảnA diagram of a work flow

AI-generated content may be incorrect. Hình 2.1.3.7 – Biểu đồ hoạt động chức năng Sửa tài khoảnA diagram of a workflow

AI-generated content may be incorrect.

Hình 2.1.3.8 – Biểu đồ hoạt động chức năng Xóa tài khoản

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.Hình 2.1.3.9 – Biểu đồ hoạt động chức năng Thêm loại sản phẩmA diagram of a work flow

AI-generated content may be incorrect.Hình 2.1.3.10 – Biểu đồ hoạt động chức năng Sửa sản phẩmA diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect. Hình 2.1.3.11 – Biểu đồ hoạt động chức năng Xóa loại sản phẩm A diagram with text and images

AI-generated content may be incorrect. Hình 2.1.3.12 – Biểu đồ hoạt động chức năng Thêm khuyến mãiA diagram with yellow and red text

AI-generated content may be incorrect. Hình 2.1.3.13 – Biểu đồ hoạt động chức năng Sửa khuyến mãiA diagram of a workflow

AI-generated content may be incorrect.Hình 2.1.3.6 – Biểu đồ hoạt động chức năng

**2.1.4. Xây dựng biểu đồ tuần tự**

**2.1.5. Xây dựng biểu đồ lớp tổng quát**

**CHƯƠNG III: THIẾT KẾ HỆ THỐNG**

**3.1. Thiết kế cơ sở dữ liệu**

**3.1.1. Thiết kế biểu đồ ER**

**3.1.2. Thiết kế cở sở dữ liệu mức vật lý**

**3.2. Thiết kế giao diện**

**CHƯƠNG IV: CÀI ĐẶT VÀ KIỂM THỬ**

**4.1. Cài đặt**

**4.1.1. Các công cụ cần cài đặt**

**4.1.2. Kiểm thử**

**KẾT LUẬN**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**